

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:17/2021/ DS-ST

Ngày: 28 - 6 - 2021

*V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé
2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành là Thư ký Toà án nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện T C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2707/2021/TLST-DS, ngày 03 tháng 02 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị H, sinh năm 1951 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Kinh Xáng, xã Phong Phú, huyện C K, tỉnh Trà Vinh

- Bị đơn: Bà Sơn Thị Sách C, sinh năm 1981 (có mặt)

Ông Thạch Ngọc S, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đại Trường, xã Phú Cần, huyện T C, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Thạch Thị H là nguyên đơn như sau:

Vào ngày 14/ 01/ 2020 bà Thạch Thị H cho bà Sơn Thị Sách C và ông Thạch Ngọc S vay số tiền là 20.000.000 đồng. Khi vay tiền bà Sơn Thị Sách C có ký tên vào biên nhận nợ. Đến ngày 05 tháng 5 năm 2020 bà Sách C, ông S đã trả cho bà H được 14.000.000 đồng tiền vốn và còn nợ lại 6.000.000 đồng. Kể từ khi vay đến nay bà Sách C, ông S không có trả tiền lãi.

Tại phiên tòa, bà Thạch Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Sơn Thị Sách C và ông Thạch Ngọc S phải trả cho bà H số tiền vốn vay còn thiếu 6.000.000 đồng. Bà Thạch Thị H không yêu cầu tính tiền lãi.

Bà Sơn Thị Sách C là bị đơn trình bày:

Bà Sách C thừa nhận vào ngày 14/01/2020 vợ chồng bà có vay tiền của bà Thạch Thị H với số tiền là 20.000.000 đồng. Khi vay tiền bà Sách C có ký tên vào biên nhận nợ. Từ khi vay tiền đến nay bà Sách C đã trả cho bà H được 14.000.000 đồng tiền vốn và còn nợ lại 6.000.000 đồng. Việc vay tiền của bà H để lo cho kinh tế gia đình nhưng vì bà bị vỡ hụi nên không có khả năng trả nợ cho bà H. Ông Thạch Ngọc S là chồng của bà Sách C có biết việc bà vay tiền của bà H và cũng không có ý kiến ngăn cản gì cả. Do ông S đi làm thuê ở xa nên không về để giải quyết vụ án, tuy nhiên ông S cũng đồng ý cùng bà trả số nợ này cho bà Thạch Thị H.

Nay bà Sơn Thị Sách C đồng ý trả cho bà Thạch Thị H số tiền vốn là 6.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Ông Thạch Ngọc S là bị đơn vắng mặt và không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Thạch Thị H khởi kiện ông Thạch Ngọc S và bà Sơn Thị Sách C để yêu cầu trả nợ vay. Xét thấy đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Thạch Ngọc S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Thạch Ngọc S.

[2] Tại phiên tòa bà Thạch Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thạch Ngọc S và bà Sơn Thị Sách C phải trả tiền vay là 6.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H, Hội đồng xét xử thấy rằng giao dịch vay tài sản giữa bà Thạch Thị H với ông Thạch Ngọc S và bà Sơn Thị Sách C là có thật. Khi vay số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 14/01/2020 bà Sách C có ký tên vào biên nhận nợ. Bà Sách C, ông S đã trả cho bà H được 14.000.000 đồng và bà Sách C thừa nhận còn nợ bà H số tiền 6.000.000 đồng.

Đồng thời tại phiên tòa bà Sách C thừa nhận việc vay tiền là phục vụ cho phát triển kinh tế của gia đình, ông S biết và cũng đang đi làm để lo trả nợ. Do đó có đủ cơ sở xác định đây là nghĩa vụ chung của vợ chồng bà Sách C, ông S nên cần buộc bà Sách C, ông S phải có nghĩa vụ liên đới cùng trả nợ cho bà H với số tiền vốn

6.000.000 đồng là phù hợp với các điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do bà H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà H được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đồng thời căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bà Sơn Thị Sách C, ông Thạch Ngọc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị H. Buộc ông Thạch Ngọc S và bà Sơn Thị Sách C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Thạch Thị H số tiền vốn là 6.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Buộc ông Thạch Ngọc S và bà Sơn Thị Sách C nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng. Bà Thạch Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T C;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện T C;
- Dương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tùng